

Số: **21** /TB-UBND

Thái Nguyên, ngày **28** tháng 02 năm 2022

## THÔNG BÁO

**Về việc công bố danh sách xã, phường, thị trấn  
đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và danh sách xã, phường, thị trấn  
chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2021 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/05/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; UBND tỉnh công bố danh sách xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và danh sách xã, phường, thị trấn chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2021 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

1. Danh sách xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2021, gồm 162/178 đơn vị cấp xã (*Phụ lục I kèm theo*).

2. Danh sách xã, phường, thị trấn chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2021, gồm 16/178 đơn vị cấp xã (*Phụ lục II kèm theo*).

3. Giao Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tư pháp đăng tải công bố danh sách các xã, phường, thị trấn đạt chuẩn và chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2021 trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh, Trang Thông tin điện tử của Sở Tư pháp.

4. Để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong năm 2022 và các năm tiếp theo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ, hiệu quả trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và khắc phục những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, UBND tỉnh yêu cầu:

- Sở Tư pháp tiếp tục đôn đốc, hướng dẫn, theo dõi nhiệm vụ công tác chuẩn tiếp cận pháp luật bảo đảm theo đúng quy định của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- UBND các huyện, thành phố, thị xã chỉ đạo các xã, phường, thị trấn đã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2021 tiếp tục duy trì, thực hiện có hiệu quả

nhệm vụ xây dựng địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022 và những năm tiếp theo; chỉ đạo các xã, phường, thị trấn chưa đạt chuẩn tiếp cận nâng cao nhận thức, trách nhiệm, phân đầu thực hiện nhiệm vụ xây dựng địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- LĐVP UBND tỉnh: Đ/c Hùng;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

VTB01/

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



**Đặng Xuân Trường**

**Phụ lục I**

**DANH SÁCH CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN  
PHÁP LUẬT NĂM 2021 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN**

(Kèm theo Thông báo số 21 /TB-UBND ngày 28 /02/2022  
của UBND tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên đơn vị	Ghi chú
<b>I. HUYỆN ĐỊNH HÓA (23/23 xã, thị trấn, đạt 100%)</b>		
1	Thị trấn Chợ Chu	
2	Xã Bình Thành	
3	Xã Diềm Mặc	
4	Xã Phú Đình	
5	Xã Lam Vỹ	
6	Xã Linh Thông	
7	Xã Thanh Định	
8	Xã Phú Tiến	
9	Xã Phúc Chu	
10	Xã Quy Kỳ	
11	Xã Tân Dương	
12	Xã Tân Thịnh	
13	Xã Trung Hội	
14	Xã Sơn Phú	
15	Xã Bảo Linh	
16	Xã Bình Yên	
17	Xã Định Biên	
18	Xã Đồng Thịnh	
19	Xã Phượng Tiến	
20	Xã Trung Lương	
21	Xã Bảo Cường	
22	Xã Bộc Nhiêu	
23	Xã Kim Phượng	
<b>II. THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG (10/10 xã, phường, đạt 100%)</b>		
1	Phường Bách Quang	
2	Phường Mỏ Chè	
3	Phường Lương Sơn	
4	Phường Cải Đan	
5	Phường Phố Cò	
6	Phường Châu Sơn	
7	Phường Thắng Lợi	
8	Xã Tân Quang	

STT	Tên đơn vị	Ghi chú
9	Xã Bá Xuyên	
10	Xã Bình Sơn	
<b>III. THỊ XÃ PHỔ YÊN (18/18 xã, phường, đạt 100%)</b>		
1	Phường Ba Hàng	
2	Phường Đồng Tiến	
3	Phường Bãi Bông	
4	Phường Bắc Sơn	
5	Xã Hồng Tiến	
6	Xã Thành Công	
6	Xã Phúc Thuận	
8	Xã Đông Cao	
9	Xã Trung Thành	
10	Xã Nam Tiến	
11	Xã Tân Phú	
12	Xã Tân Hương	
13	Xã Phúc Tân	
14	Xã Đắc Sơn	
15	Xã Vạn Phái	
16	Xã Tiên Phong	
17	Xã Minh Đức	
18	Xã Thuận Thành	
<b>IV. HUYỆN ĐẠI TỪ (29/30 xã, thị trấn, đạt 96,7%)</b>		
1	Thị trấn Quân Chu	
2	Thị trấn Hùng Sơn	
3	Xã Đức Lương	
4	Xã Tiên Hội	
5	Xã Mỹ Yên	
6	Xã Bản Ngoại	
7	Xã Quân Chu	
8	Xã Ký Phú	
9	Xã Hà Thượng	
10	Xã Hoàng Nông	
11	Xã An Khánh	
12	Xã Cát Nê	
13	Xã Minh Tiến	
14	Xã Văn Yên	
15	Xã Phục Linh	
16	Xã Phú Cường	

<b>STT</b>	<b>Tên đơn vị</b>	<b>Ghi chú</b>
17	Xã Phúc Lương	
18	Xã La Bằng	
19	Xã Phú Lạc	
20	Xã Bình Thuận	
21	Xã Phú Xuyên	
22	Xã Khôi Kỳ	
23	Xã Tân Linh	
24	Xã Cù Vân	
25	Xã Na Mao	
26	Xã Lục Ba	
27	Xã Phú Thịnh	
28	Xã Vạn Thọ	
29	Xã Yên Lãng	
<b>V. THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN (30/32 xã, phường, đạt 93,7%)</b>		
1	Phường Quang Trung	
2	Phường Phan Đình Phùng	
3	Phường Hoàng Văn Thụ	
4	Phường Thịnh Đán	
5	Phường Tân Lập	
6	Phường Đồng Quang	
7	Phường Tân Thịnh	
8	Phường Gia Sàng	
9	Phường Cam Giá	
10	Phường Phú Xá	
11	Phường Trung Thành	
12	Phường Hương Sơn	
13	Phường Tích Lương	
14	Phường Quan Triều	
15	Phường Trung Vương	
16	Phường Đồng Bẩm	
17	Phường Quang Vinh	
18	Phường Tân Long	
19	Phường Tân Thành	
20	Xã Cao Ngạn	
21	Xã Linh Sơn	
22	Xã Huống Thượng	
23	Xã Phúc Xuân	
24	Xã Thịnh Đức	

<b>STT</b>	<b>Tên đơn vị</b>	<b>Ghi chú</b>
25	Xã Tân Cương	
26	Xã Đồng Liên	
27	Xã Phúc Trìu	
28	Xã Quyết Thắng	
29	Xã Sơn Cẩm	
30	Xã Phúc Hà	
<b>VI. HUYỆN ĐỒNG HỖ (13/15 xã, thị trấn, đạt 86,7%)</b>		
1	Thị trấn Sông Cầu	
2	Thị trấn Trại Cau	
3	Xã Nam Hòa	
4	Xã Văn Hán	
5	Xã Hóa Thượng	
6	Xã Hóa Trung	
7	Xã Hợp Tiến	
8	Xã Cây Thị	
9	Xã Hòa Bình	
10	Xã Quang Sơn	
11	Xã Khe Mo	
12	Xã Văn Lãng	
13	Xã Tân Long	
<b>VII. HUYỆN VĨNH NHAU (12/15 xã, thị trấn, đạt 80%)</b>		
1	Thị trấn Đình Cả	
2	Xã Dân Tiến	
3	Xã La Hiên	
4	Xã Tràng Xá	
5	Xã Phương Giao	
6	Xã Lâu Thượng	
7	Xã Phú Thượng	
8	Xã Cúc Đường	
9	Xã Bình Long	
10	Xã Liên Minh	
11	Xã Thần Sa	
12	Xã Thượng Nung	
<b>VIII. HUYỆN PHÚ BÌNH (16/20 xã, thị trấn, đạt 80%)</b>		
1	Thị trấn Hương Sơn	
2	Xã Tân Kim	
3	Xã Nga My	
4	Xã Tân Hòa	

<b>STT</b>	<b>Tên đơn vị</b>	<b>Ghi chú</b>
5	Xã Dương Thành	
6	Xã Đào Xá	
7	Xã Tân Đức	
8	Xã Diêm Thụy	
9	Xã Nhã Lộ	
10	Xã Bàn Đạt	
11	Xã Bảo Lý	
12	Xã Hà Châu	
13	Xã Xuân Phương	
14	Xã Thượng Đình	
15	Xã Lương Phú	
16	Xã Úc Kỳ	
<b>IX. HUYỆN PHÚ LƯƠNG (11/15 xã , thị trấn, đạt 73,3%)</b>		
1	Thị trấn Đu	
2	Thị trấn Giang Tiên	
3	Xã Hợp Thành	
4	Xã Cổ Lũng	
5	Xã Ôn Lương	
6	Xã Phú Đô	
7	Xã Yên Đổ	
8	Xã Yên Ninh	
9	Xã Phấn Mễ	
10	Xã Yên Lạc	
11	Xã Tứ Tranh	

**Phụ lục II**  
**DANH SÁCH CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN CHƯA ĐẠT CHUẨN**  
**TIẾP CẬN PHÁP LUẬT NĂM 2021 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN**  
*(Kèm theo Thông báo số 21 /TB-UBND ngày 28 /02/2022*  
*của UBND tỉnh Thái Nguyên)*

**I. HUYỆN ĐẠI TỪ (01/30 xã, thị trấn)**

STT	Tên đơn vị	Lý do
1	Xã Tân Thái	Không đạt điều kiện quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

**II. THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN (02/32 xã, thị trấn)**

STT	Tên đơn vị	Lý do
1	Phường Chùa Hang	Không đạt điều kiện quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ.
2	Phường Túc Duyên	

**III. HUYỆN ĐỒNG HỖ (02/15 xã, thị trấn)**

STT	Tên đơn vị	Lý do
1	Xã Tân Lợi	Không đạt điều kiện quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ.
2	Xã Minh Lập	

**IV. HUYỆN VĨNH NAI (03/15 xã, thị trấn)**

STT	Tên đơn vị	Lý do
1	Xã Nghinh Tường	Tổng số điểm các tiêu chí không đạt theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ.
2	Xã Sáng Mộc	
3	Xã Vũ Chấn	



**V. HUYỆN PHÚ BÌNH (04/20 xã, thị trấn)**

<b>STT</b>	<b>Tên đơn vị</b>	<b>Lý do</b>
1	Xã Tân Khánh	Không đạt điều kiện quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ.
2	Xã Tân Thành	
3	Xã Thanh Ninh	
4	Xã Kha Sơn	

**VI. HUYỆN PHÚ LƯƠNG (04/15 xã, thị trấn)**

<b>STT</b>	<b>Tên đơn vị</b>	<b>Lý do</b>
1	Xã Vô Tranh	Tổng số điểm các tiêu chí không đạt theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ.
2	Xã Phú Lý	
3	Xã Yên Trạch	
4	Xã Động Đạt	